

Bản án số: 05/2026/DS-ST

Ngày 09/04/2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thắm
2. Ông Nguyễn Đức Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Vy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2026/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST - DS ngày 13/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST- DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1), trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Hoàng H – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng B1, khối xử lý nợ của V1. Ủy quyền lại cho: Bà Đinh Thị Hồng G, bà Trịnh Minh T và ông Nguyễn Hoàng H1 – cán bộ Ngân hàng TMCP Q (V1). Bà T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1981 và bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1987, cùng nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường D, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (V1) cho ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1259308(1).22 ngày 21/9/2022. Số tiền vay: 465.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là

10,4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Mục đích vay: Mua xe ô tô; Tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A-189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết, V1 đã thực hiện giải ngân cho ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị Trang B phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 25/10/2023.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, V1 đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 không thực hiện. Kể từ khi giải ngân khoản vay cho đến ngày 09/4/2026, tổng số tiền ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 đã thanh toán cho ngân hàng là **112.513.678 đồng**, trong đó: nợ gốc 66.432.000 đồng, nợ lãi trong hạn 46.043.044 đồng, nợ lãi quá hạn 38.634 đồng.

Dư nợ của ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1259308(1).22 ngày 21/9/2022 tính đến ngày 09/4/2026 là **624.306.047 đồng**, trong đó: nợ gốc là 398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 191.748.252 đồng;

Ngày 30/5/2023, ông Phan Văn K đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại V1 hạn mức 46.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Tiêu dùng. Căn cứ đơn đề nghị của ông Phan Văn K, V1 đã chấp thuận và phát hành cho ông Phan Văn K được sử dụng thẻ tín dụng tại VIB với hạn mức phê duyệt là 46.000.000 đồng. Ông K đã chi tiêu bắt đầu từ kỳ giao dịch ngày 10/6/2023. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông K đã chi tiêu và trả các kỳ không liên tục (được thể hiện trong bảng kê tính lãi thẻ), đến kỳ sao kê tháng 12/2023 ông K đã không thanh toán dư nợ nên khoản vay thẻ tín dụng bị quá hạn. Từ kỳ sao kê tháng 3/2024, ông K đã không còn thực hiện giao dịch trên thẻ tín dụng và không chi trả bất cứ số tiền nào.

Dư nợ của ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 theo thẻ tín dụng ngày 30/5/2023 tính đến ngày 09/4/2026 là: **61.727.323 đồng**, trong đó: nợ gốc là 32.575.395 đồng, nợ lãi là 10.773.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.378.577 đồng;

Tổng cộng: 686.033.370 đồng;

Ngân hàng V1 đề nghị TAND khu vực 6 – Ninh Bình xem xét giải quyết các yêu cầu:

- Buộc ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 phải trả cho V1 toàn bộ số tiền còn chưa thanh toán theo quy định tại HĐTD và HĐTC:

+ Dư nợ tính đến ngày 09/4/2026 Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1259308(1).22 ngày 21/9/2022 tính đến ngày 09/4/2026 là **624.306.047 đồng** (trong đó: nợ gốc là

398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 191.748.252 đồng); dư nợ theo thẻ tín dụng ngày 30/5/2023 tạm tính đến ngày 09/4/2026 là: **61.727.323 đồng** (trong đó: nợ gốc là 32.575.395 đồng, nợ lãi là 10.773.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.378.577 đồng). **Tổng cộng: 686.033.370 đồng;**

+ Ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, Đề nghị phát hành thẻ kể từ ngày 09/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả cho VIB theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

+ Thực hiện thanh toán toàn bộ và một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022;

- Trường hợp, ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1, Ngân hàng TMCP Q có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A – 189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 đứng tên ông Phan Văn K theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 trình bày:

Vợ chồng ông bà vay vốn của V1 theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1259308(1).22 ngày 21/9/2022; Số tiền vay: 465.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Mục đích vay: Mua xe ô tô.

Tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A-189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987 22 ngày 21/9/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/5/2022 tại V1 hạn mức 46.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Tiêu dùng.

Sau khi ký kết, VIB đã thực hiện giải ngân cho vợ chồng ông bà đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do vợ chồng ông bà làm ăn khó khăn không có tiền trả VIB theo đúng tiến độ thỏa thuận nên phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 25/10/2023.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện cho vợ chồng ông, bà trả nợ, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng ông, bà không có khả năng xử lý khoản vay. Kể từ khi giải ngân khoản vay cho đến ngày 29/9/2025, tổng số tiền vợ chồng ông, bà đã thanh toán cho ngân hàng là 112.513.678 đồng, trong đó: nợ gốc 66.432.000 đồng, nợ lãi trong hạn 46.043.044 đồng, nợ lãi quá hạn 38.634 đồng.

Dư nợ của vợ chồng ông bà tính đến ngày 29/9/2025 là: 635.698.710 đồng, trong đó: nợ gốc là 398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 141.313.592 đồng và nợ thẻ tín dụng là 61.827.323 đồng.

Đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A - 189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022, ông K cho bạn mượn. Hiện nay ông không liên hệ được với bạn ông nên không biết xe ở đâu, còn quản lý xe hay không. Vợ chồng ông rất muốn bàn giao xe cho ngân hàng V1 để xử lý khoản vay nhưng không biết xe ở đâu. Ông đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng V1 có quyền kê biên, phát mại chiếc xe trên để xử lý khoản vay của vợ chồng ông, bà tại V1.

* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A - 189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 đứng tên ông Phan Văn K theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 không còn tại gia đình ông K, bà T1. Ông K cho biết vẫn đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên ông K đã cho bạn mượn, hiện ông K ông nhớ tên, tuổi, địa chỉ của bạn ở đâu, cũng như ông K đã thất lạc số điện thoại của bạn, vậy nên Tòa án không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng và đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 đối với vợ chồng ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1. Buộc ông K và bà T1 phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 là **624.306.047 đồng**, trong đó: nợ gốc là 398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 191.748.252 đồng.

+ Theo thẻ tín dụng ngày 30/5/2023 là **61.727.323 đồng**, trong đó: nợ gốc là 32.575.395 đồng, nợ lãi là 10.773.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.378.577 đồng;
Tổng cộng: là **686.033.370 đồng**;

Kể từ ngày 10/04/2026, ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên.

- Công nhận Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 là hợp pháp và có hiệu lực. Theo đó, Ngân hàng V1 có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A – 189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 đứng tên ông Phan Văn K theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1. Trường hợp không thu hồi được xe ô tô biển kiểm soát 90A – 189.60 thì ông K và bà T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Buộc ông Phan văn K và bà Đỗ Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP V2 yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn K, bà Đỗ Thị T1 trả nợ thanh toán Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và thẻ tín dụng ngày 30/5/2023, mục đích vay mua ô tô, vay tiêu dùng nên HĐXX xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Phan Văn K, bà Đỗ Thị T1 hiện cư trú tại phường D, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn ông Phan Văn K, bà Đỗ Thị T1 đều có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Thứ nhất: Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1259308(1).22 ngày 21/9/2022:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và các tài liệu liên quan, thấy: Ngày 21/9/2022, vợ chồng ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 ký Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1259308(1).22 với Ngân hàng V1 để vay vốn của ngân hàng. Số tiền vay:

465.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Mục đích vay: Mua xe ô tô; Tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A-189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết, V1 đã thực hiện giải ngân cho ông K và bà T1 đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của ông bà bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 25/10/2023. Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, V1 đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho ông K và bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên ông bà không thực hiện. Kể từ khi giải ngân khoản vay cho đến ngày 09/4/2026, tổng số tiền ông K và bà T1 đã thanh toán cho ngân hàng là **112.513.678 đồng**, trong đó: nợ gốc 66.432.000 đồng, nợ lãi trong hạn 46.043.044 đồng, nợ lãi quá hạn 38.634 đồng, dư nợ tính đến ngày 09/4/2026 là **624.306.047 đồng**, trong đó: nợ gốc là 398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 191.748.252 đồng. Điều này đã được ông K và bà T1 thừa nhận. Nay Ngân hàng yêu cầu ông K và bà T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên.

Xét thấy, các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, ngân hàng đã thực hiện giải ngân đúng thỏa thuận. Do đó, hợp đồng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm phát sinh nợ quá hạn từ ngày 25/10/2023. Do đó, yêu cầu nêu trên của Ngân hàng là có căn cứ và được chấp nhận, buộc vợ chồng ông K và bà T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V1 số tiền là **624.306.047 đồng**, trong đó: nợ gốc là 398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 191.748.252 đồng.

- Thứ 2: Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo thẻ tín dụng phát hành ngày 30/5/2023:

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ và các tài liệu có liên quan thấy, ngày 30/5/2023, ông Phan Văn K đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại V1 hạn mức 46.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Tiêu dùng. Căn cứ đơn đề nghị của K, V1 đã chấp thuận và phát hành cho ông được sử dụng thẻ tín dụng tại VIB với hạn mức phê duyệt là 46.000.000 đồng. Ông K đã chi tiêu bắt đầu từ kỳ giao dịch ngày 10/6/2023. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông K đã chi tiêu và trả các kỳ không liên tục (được thể hiện trong bảng kê tính lãi thẻ), đến kỳ sao kê tháng 12/2023 ông K đã không thanh toán dư nợ nên khoản vay thẻ tín dụng bị quá hạn. Từ kỳ sao kê tháng 3/2024, ông K đã không còn thực hiện giao dịch trên thẻ tín dụng và không chi trả bất cứ số tiền nào. Tính đến ngày 09/4/2026, dư nợ của ông K theo thẻ tín dụng ngày 30/5/2023 là **61.727.323 đồng**, trong đó: nợ gốc là 32.575.395 đồng, nợ lãi là 10.773.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.378.577 đồng;

Xét thấy, việc ông K ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại V1 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, ngân hàng đã chấp thuận và phát hành cho ông được sử dụng thẻ tín dụng tại VIB với hạn mức phê duyệt là

46.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Văn K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm phát sinh nợ quá hạn từ ngày 25/10/2023. Do đó, yêu cầu nêu trên của Ngân hàng là có căn cứ và được chấp nhận, buộc vợ chồng ông K và bà T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V1 là **61.727.323 đồng**, trong đó: nợ gốc là 32.575.395 đồng, nợ lãi là 10.773.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.378.577 đồng.

Tổng số tiền mà ông K và bà T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V1 theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 và thẻ tín dụng ngày 30/5/2023 tính đến ngày 09/4/2026 là **686.033.370 đồng**;

Kể từ ngày 10/04/2026, ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên.

+ Thứ 3: Đối với yêu cầu về công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 và xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A – 189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 đứng tên ông Phan Văn K. Căn cứ mục 11 phần III Công văn 196/TANDTC – PC 2023: “*Trường hợp Tòa án xác định hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình ký kết, hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì việc không xác định được ô tô là tài sản thế chấp ở đâu tại thời điểm tranh chấp không làm vô hiệu hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015*”.

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 được ký kết hợp pháp, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, cần công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp này. Tài sản thế chấp là xe ô tô Mitsubishi Xpander AT biển kiểm soát 90A-189.60 hiện không còn tại nơi cư trú của bị đơn. Mặc dù ông K cho rằng đã cho người khác mượn và không xác định được người giữ, nhưng việc này không làm chấm dứt nghĩa vụ bảo đảm. Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật. Trường hợp không thu hồi được tài sản, ông K và bà T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[6] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Ngân hàng V1 đã tạm ứng tiền chi phí tố tụng và thanh toán xong. Nay Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định đối với tài sản thế chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phan Văn K, bà Đỗ Thị T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280; Điều 295; Điều 299; Điều 303; Điều 317, Điều 318, Điều 319; Điều 320, Điều 321; Điều 323; Điều 351; Điều 357; Điều 401; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự.

- Các điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về áp dụng lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 đối với vợ chồng ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1. Buộc ông K và bà T1 phải trả cho Ngân hàng tổng cộng: là **686.033.370 đồng**, cụ thể các khoản tiền sau: Theo Hợp đồng tín dụng số 1259308.22 ngày 21/9/2022 là **624.306.047 đồng**, trong đó: nợ gốc là 398.568.000 đồng, nợ lãi là 33.989.795 đồng, nợ lãi quá hạn là 191.748.252 đồng. Theo thẻ tín dụng ngày 30/5/2023 là **61.727.323 đồng**, trong đó: nợ gốc là 32.575.395 đồng, nợ lãi là 10.773.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.378.577 đồng; Kể từ ngày 10/04/2026, ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên.

2. Công nhận Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 là hợp pháp và có hiệu lực. Theo đó, Ngân hàng V1 có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các phương thức và nội dung quy định tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022 hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander AT, biển kiểm soát 90A – 189.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 90000401 do Công an thị xã D cấp ngày 16/9/2022 đứng tên ông Phan Văn K theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4124987.22 ngày 21/9/2022.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1. Trường hợp không thu hồi được xe ô tô biển kiểm soát 90A – 189.60 thì ông K và bà T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn K và bà Đỗ Thị T1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 31.441.300 đồng.

Trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai số 0000021 ngày 06/01/2026 của THADS tỉnh N.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị T2

